

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI AKI VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI AKI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AKI VIET NAM TRADING DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AKI VNTD CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108245982

**3. Ngày thành lập:** 24/04/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 173 Nguyễn Đình Thi, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0914258817

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649        |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4651        |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4652        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br><br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế                                                                                                         | 4659        |
| 5.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4741        |
| 6.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5610(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                   | 5621 |
| 8.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                         | 5630 |
| 9.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                       | 8230 |
| 10. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý; môi giới thương mại<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                         | 4610 |
| 11. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                    | 4631 |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                            | 4711 |
| 13. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                               | 4721 |
| 14. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                | 4722 |
| 15. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                  | 4723 |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ                                                                                                | 4781 |
| 17. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.                                                      | 5629 |
| 18. | Quảng cáo                                                                                                                                                                       | 7310 |
| 19. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                    | 7920 |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: -Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá) | 8299 |
| 21. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                              | 4632 |
| 22. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                | 4633 |
| 23. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào                                                                                                                                           | 4634 |
| 24. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                             | 4724 |
| 25. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                       | 5510 |
| 26. | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết:<br>Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm                                                                               | 5590 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ                                                                                                                                                | 9633 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013053637

Ngày cấp: 30/01/2010      Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 24 ngõ 420/24, tổ 18, cụm 4, Phường Hạ Đình,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 6 Vạn Phúc, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 19/09/1977      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013053637

Ngày cấp: 30/01/2010      Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 24 ngõ 420/24, tổ 18, cụm 4, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: *Số 6 Vạn Phúc, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội